

Số: 1188/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 21 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 199/2019/NQ-HĐND ngày 27/3/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 92/TTr-NN ngày 9/5/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng hỗ trợ, nội dung và mức hỗ trợ

1. Đối tượng hỗ trợ

a) Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác (sau đây gọi chung là nông dân).

b) Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cá nhân).

c) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã).

d) Doanh nghiệp.

e) Các tổ chức, cá nhân liên quan khác.

2. Nội dung và mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 199/2019/NQ-HĐND ngày 27/3/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Nguyên tắc và điều kiện hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 199/2019/NQ-HĐND ngày 27/3/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Hồ sơ và trình tự thủ tục hỗ trợ liên kết: Thực hiện theo quy định tại Điều 12, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết

a) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp có mức hỗ trợ từ 01 tỷ đồng trở lên cho 01 dự án liên kết.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp có mức hỗ trợ dưới 01 tỷ đồng cho 01 dự án liên kết.

Trường hợp dự án liên kết thực hiện trên địa bàn nhiều huyện, thị xã, thành phố, chủ trì liên kết tự quyết định trong việc lựa chọn UBND các huyện, thị xã, thành phố nào nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết cho thuận tiện nhất.

Điều 5. Kinh phí hỗ trợ: Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo quy định tại Khoản 4, Điều 1 Nghị quyết số 199/2019/NQ-HĐND ngày 27/3/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và PTNT: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức triển khai, tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện các quy định tại Quyết định này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, cân đối, lồng ghép nguồn vốn đầu tư từ ngân sách hỗ trợ cho liên kết theo quy định.

3. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan tổng hợp, cân đối, lồng ghép nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách hỗ trợ cho liên kết theo quy định. Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thực hiện theo đúng quy định.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Quyết định này;

- Phê duyệt hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm được thực hiện trong phạm vi địa bàn huyện, thị xã, thành phố có quy mô hỗ trợ dưới 01 tỷ đồng cho một dự án liên kết; bố trí ngân sách địa phương hỗ trợ liên kết theo quy định của Quyết định này.


5. Ngoài các nội dung quy định tại Quy định này các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và Nghị quyết 199/2019/NQ-HĐND ngày 27/3/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT2^{Trần Tuấn}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Quang